TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2020
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thu Trang.

2- Ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Huỳnh Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Qui T, sinh năm 1974 (có mặt).

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Chúc M, sinh ngày 01/01/1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Qui T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Chúc M kết hôn với nhau năm 1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp nhau nên thường cự cải làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, mặc dù nhiều lần dần xếp hàng gắn nhưng không đem lại kết qua, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau đến nay gần 4 năm. Nay anh

xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Chúc M.

Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999, Nguyễn Hải B, sinh ngày 02/01/2001 (đều đã trưởng Thành) và Nguyễn Ý N, sinh ngày 24/10/2013 (hiện đang sống với chị M). Nay anh đồng ý giao cháu Nguyễn Ý N cho chị M nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Nguyễn Thị Bích N và Nguyễn Hải B đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị Chúc M trình bày: Chị thừa nhận theo lời trình bày của anh Nguyễn Qui T về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và phần nợ nêu trên là hoàn toàn đúng.

Theo yêu cầu của anh Tâm thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với Nguyễn Qui T.

Về con chung: Chị đồng ý tiếp tục nuôi con Nguyễn Ý N, sinh ngày 24/10/2013 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Bích N và Nguyễn Hải B đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Chúc M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Qui T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị Chúc M vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M là giao cháu Nguyễn Ý N, sinh ngày 24/10/2013 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999 và Nguyễn Hải B, sinh ngày 02/02/2001 đã trưởng thành và không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh về về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Nguyễn Thị Chúc M được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị M đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M kết hôn với nhau vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị M là không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M là giao cháu Nguyễn Ý N, sinh ngày 24/10/2013 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999 và Nguyễn Hải B, sinh ngày 02/02/2001 đã trưởng thành và không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M thừa nhận không và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Qui T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy anh Nguyễn Qui T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M là giao cháu Nguyễn Ý N, sinh ngày 24/10/2013 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999 và Nguyễn Hải B, sinh ngày 02/02/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T và chị M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Qui T và chị Nguyễn Thị Chúc M thừa nhận không và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Qui T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008565 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh T có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2020). Đối với chị M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm